

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *Mff* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 09 tháng 5 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Ninh hợp ngày 24 tháng 02 năm 2022;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 14/XDBN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 202/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Ninh (sau đây gọi là

Chủ dự án) thực hiện tại Khu Công nghiệp Cam Liên, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lệ Thủy, Ban Quản lý Khu Kinh tế và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Lệ Thủy, Chủ tịch UBND xã Cam Thủy; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Ninh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  


**Đoàn Ngọc Lâm**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT CẤU KIỆN BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM**  
(Kèm theo Quyết định số *M77/QĐ-UBND* ngày *09* tháng *5* năm 2022  
của UBND tỉnh Quảng Bình)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1 Thông tin chung**

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm
- Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Ninh
- Người đại diện: Ông Nguyễn Ánh Sáng Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Thôn Hà Trung, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Điện thoại: 0969.607.373
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Cam Liên, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Diện tích đất dự kiến sử dụng là: 20.000m<sup>2</sup>
- Công suất thiết kế:
  - + Dây chuyền sản xuất bê tông thương phẩm công suất: 120m<sup>3</sup>/giờ;
  - + Dây chuyền sản xuất cấu kiện bê tông công suất 45.000 tấn sản phẩm/năm.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành dự án.
- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình xây dựng và vận hành dự án.
- Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Các tác động chính không liên quan đến chất thải của dự án: Thay đổi địa hình, cảnh quan; các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, hư hỏng hạ tầng kỹ thuật...

**2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án**

**2.2.1 Quy mô, tính chất của nước thải**

**a. Trong giai đoạn xây dựng**

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với lưu lượng tối đa khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ



yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms.

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, nước trộn vữa, bê tông, phun ẩm sân bãi, tuyến đường quy hoạch... Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

#### *b. Trong giai đoạn hoạt động*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ vệ sinh thùng trộn, nước rửa xe bồn, nước thải từ bể dưỡng hộ, nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt nồi hơi... với lưu lượng tối đa khoảng 62 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần nước thải chủ yếu là cặn, bụi và chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực nhà xưởng, sân đường nội bộ... có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát

### **2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

#### *a. Trong giai đoạn xây dựng*

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào móng, tập kết nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, bụi do đất cát bám vào bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

#### *b. Trong giai đoạn vận hành*

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, bãi tập kết nguyên vật liệu, bãi tập kết cấu kiện bê tông sau khi hoàn thành; trong quá trình nạp nguyên liệu vào bồn trộn; trong quá trình nạp xi măng vào Silo chứa; trong quá trình hàn, cắt, mài sắt thép chế tạo lồng thép; trong quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC...

### **2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường**

#### *a. Chất thải rắn sinh hoạt*

- Trong giai đoạn xây dựng phát sinh khoảng 20 kg/ngày đêm.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh khoảng 28 kg/ngày đêm.

- Thành phần chủ yếu: giấy loại, các loại lon nước, túi nilon, bao bì, hộp đựng thức ăn...

*b. Chất thải rắn thông thường khác*

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Thảm thực vật phát quang khoảng 6,0 m<sup>3</sup>.

+ Chất thải xây dựng phát sinh khoảng 0,8 tấn/thời gian thi công.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Xi than thải ở công đoạn lò đốt nồi hơi khoảng 26,96kg/ngày.

+ Cống bê tông ly tâm, bê tông thương phẩm không đạt tiêu chuẩn bị loại bỏ khoảng 3 tấn/ngày;

+ Mẫu sản phẩm bê tông làm thí nghiệm loại thải khoảng 291,6 m<sup>3</sup>/năm;

+ Lượng bùn lắng hàng ngày ở hệ thống xử lý nước thải sản xuất khoảng 4,05 - 5,06kg;

+ Bùn cặn ở bể bảo dưỡng ống cống BTLT khoảng 0,2kg/ngày;

+ Bùn cặn ở hệ thống xử lý khói thải nồi hơi khoảng 1,45kg/ngày/;

+ Bùn cặn ở đường ngập nước khoảng 20kg/ngày.

**2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu mỡ tại công trường với khối lượng khoảng 12-32 kg/tổng thời gian thi công.

- Giai đoạn vận hành: Tổng khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh khoảng 9.002 kg/năm. Thành phần chủ yếu: bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải, hộp đựng mực in, pin, hóa chất dư thừa, vỏ thùng đựng phụ gia bê tông, vỏ can nhựa đựng hóa chất HCl.

**3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

**3.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

*a. Trong giai đoạn xây dựng*

*\* Nước thải sinh hoạt*

- Bố trí nhà vệ sinh lưu động để thu gom nước thải vệ sinh của công nhân hàng ngày; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định, sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng sẽ tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh lưu động.

- Đối với nước thải xám: Đào hố lắng 2 ngăn có thể tích mỗi ngăn khoảng 2m<sup>3</sup> (dài 2m, rộng 1m, sâu 1m) có lót bạt gần khu vực lán trại để lắng rồi thoát ra hố tự thấm kích thước 2m<sup>3</sup> (dài 2m, rộng 1m, sâu 1m); tiến hành lấp các hố lắng hoàn trả mặt bằng khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân thường xuyên giữ vệ sinh chung, đặc biệt là khu nhà vệ sinh.

- Quy chuẩn áp dụng: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*\* Nước thải xây dựng*

- Bố trí hồ lắng tạm thời để thu gom và lắng cặn tại khu vực xịt rửa bánh xe.

- Lót đáy bằng các vật liệu như các tấm kim loại hay sử dụng các loại máy trộn tại các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất.

- Tái sử dụng đối với nước làm sạch dụng cụ xây dựng cho việc bảo dưỡng công trình (chứa trong các thùng phi nhựa 220L).

*\* Nước mưa chảy tràn*

- Hạn chế các hoạt động đào, đắp, thi công vào những ngày mưa lớn.

- Che chắn các điểm tập kết vật liệu máy móc, thiết bị thi công để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng.

- Đào các rãnh thoát nước tạm, bố trí các hồ thu kết hợp lắng (khoảng 25m bố trí 1 hồ thu kết hợp lắng) để lắng cặn trong nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường.

- Thu gom triệt để rác thải sinh hoạt, chất thải phát sinh trong khu vực dự án theo đúng quy định.

- Thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng tại khu vực thi công, để tránh tình trạng khi mưa xuống làm cuốn trôi các chất thải gây ảnh hưởng môi trường.

*\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng và các loại nước thải khác phát sinh trong quá trình thi công thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn khu vực công trường thi công, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực dự án; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

*b. Trong giai đoạn vận hành*

*\* Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải đen từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý qua bể tự hoại, sau đó được dẫn về thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Đối với nước thải xám: Nước thải từ bồn rửa tay, sàn được thu gom qua tấm chắn rác sau đó theo đường ống dẫn về thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.



- Đối với nước thải nhà ăn được xử lý bằng bể tách dầu mỡ inox có thể tích  $1,5\text{m}^3$  trước khi dẫn về thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.

- Nước thải sinh hoạt (nước thải đen, nước thải xám, nước thải nhà ăn) sau quá trình xử lý bằng thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*\*Nước thải sản xuất:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh thùng trộn, rửa xe bồn, bể dưỡng hộ bê tông ly tâm được dẫn theo mương kích thước BxH ( $0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$ ) xây bằng BTCT về bể lắng 3 ngăn (ngăn chứa, ngăn trung hòa, ngăn lọc) để xử lý nước thải sản xuất trước khi tái sử dụng. Dọc tuyến mương cứ 30m bố trí hố ga ( $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ ) để lắng cặn.

- Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt được dẫn vào bể lắng 3 ngăn (ngăn lắng, ngăn lọc, ngăn trung hòa), kích thước  $3\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$  rồi bơm định lượng tuần hoàn, khi lượng cặn cô đặc không tái sử dụng được sẽ tiến hành thay nước, dẫn ra bể lắng 3 ngăn xử lý nước thải sản xuất của nhà máy.

- Nước thải sản xuất sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, được dẫn ra bể chứa có kết cấu bê tông cốt thép dung tích  $130\text{m}^3$  (Dài  $\times$  Rộng  $\times$  Sâu =  $5,2\text{m} \times 5\text{m} \times 5\text{m}$ ) để tuần hoàn tái sử dụng cho vệ sinh thùng trộn, bồn xe, dưỡng hộ tự nhiên cho bê tông ly tâm...

- Quy chuẩn áp dụng: Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

*\* Nước mưa chảy tràn*

- Bố trí hệ thống đường ống UPVC D110 để thu nước mưa mái từ các công trình khu nhà phục vụ sản xuất, khu vực hành chính, các công trình phụ trợ khác. Sau đó, nước mưa được thu gom về các hố gas kích thước  $0,8\text{m} \times 0,8\text{m}$  rồi dẫn vào các mương thoát nước B x H ( $0,4\text{m} \times 0,4\text{m}$ ) bố trí xung quanh mặt bằng các công trình.

- Trên toàn nhà máy bố trí khoảng 11 hố ga để thu gom nước mưa, sau đó, thoát vào bể nước PCCC kích thước  $50\text{m}^2$  (sâu 2m) để chứa nước và phục vụ hoạt động PCCC, khi bể nước đầy được dẫn theo đường ống để dẫn ra hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp dọc tuyến đường quy hoạch 15m phía Tây Nam rồi thoát về khe Đồi Ngoài để dẫn ra sông Kiến Giang. Tuy nhiên, do hiện trạng khu công nghiệp chưa đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chưa có hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp nên trước mắt nước mưa chảy tràn được thu gom rồi thoát theo hướng địa hình ra khu vực phía Tây Bắc dự án rồi thoát ra khe nước cạnh hiện có để thoát về khe Đồi Ngoài để dẫn ra sông Kiến Giang.

- Bố trí công nhân thường xuyên làm vệ sinh, nạo vét, khơi thông các rãnh thoát nước không để nước ứ đọng.



*\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và các loại nước thải khác phát sinh trong quá trình vận hành dự án đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực dự án; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

**3.2. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải**

*a. Trong giai đoạn xây dựng*

- Áp dụng biện pháp thi công theo hình thức cuốn chiếu; bố trí lịch trình thi công hợp lý, không vận chuyển nguyên vật liệu tập trung cùng một lúc, thi công đến đâu tiến hành vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực Dự án đến đó để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và giảm lưu lượng xe vận chuyển tập trung.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,... để đảm bảo sức khỏe lao động.

- Tiến hành phun ẩm tại khu vực thi công, khu vực tập kết nguyên vật liệu, trên tuyến đường từ khu vực dự án ra Tỉnh lộ 16 với tần suất phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết; tăng tần suất phun ẩm vào những ngày thời tiết nắng to, khô hanh, nhiều gió.

- Bố trí hàng rào tôn cao trên 2m ở phía Đông Nam Dự án (tiếp giáp nhà máy Hoàn Nguyên) và phía Tây Nam giáp đường khu công nghiệp.

- Che chắn các bãi tập kết nguyên vật liệu (xi măng, sắt thép, đá dăm...) chưa dùng đến bằng bạt hoặc tôn để hạn chế bụi cuốn khi có gió.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh khu vực dự án, khu vực bãi tập kết nguyên vật liệu sau mỗi ngày làm việc. Thực hiện phun ẩm bãi chứa với những loại nguyên vật liệu phát sinh bụi nhiều như cát, sạn, đá dăm. Với xi măng, sắt thép thực hiện phủ bạt để hạn chế bụi và hư hỏng nguyên vật liệu.

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành; xe vận chuyển thực hiện đúng quy định về tốc độ và trọng tải cho phép để hạn chế lượng bụi phát sinh.

- Lắp đặt trạm rửa xe tạm thời ở cổng chính dự án có hố lắng để lắng cặn trong nước xịt rửa trước khi thoát ra môi trường.

- Bố trí công nhân dọn dẹp đất cát, nguyên vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển do hoạt động của dự án gây ra.

*b. Trong giai đoạn vận hành*

- Giảm thiểu bụi ở khu vực lưu trữ nguyên vật liệu sản xuất bê tông thương phẩm và bê tông ly tâm: Bãi chứa nguyên vật liệu được che chắn cẩn thận tránh tác động của gió cuốn nguyên vật liệu vào môi trường; xung quanh khu vực



chứa nguyên vật liệu được xây móng có gờ cao khoảng 50cm; xung quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu có rãnh thoát nước mưa, dọc tuyến có cứ 10m bố trí 01 hố ga để thu gom và lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

- Các băng chuyên tải cốt liệu của dây chuyền trạm trộn bê tông thương phẩm được thiết kế có mái che kín đảm bảo không thoát bụi ra ngoài. Nguyên vật liệu từ bãi chứa được vận chuyển bằng xe xúc lật đến rồi cho vào bunke chứa trong từng ngăn riêng biệt. Từ đó, sẽ được băng tải kín đưa đến thiết bị định lượng rồi được thiết bị nạp liệu nạp vào thùng máy trộn phối liệu. Cốt liệu trước khi được đưa lên băng chuyền phải được phun nước giữ ẩm.

- Tại các bunke của dây chuyền sản xuất bê tông tươi bố trí vòi phun sương nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình sản xuất; sử dụng mái che để che các Bunke.

- Trồng hành lang cây xanh xung quanh hàng rào dự án để hạn chế phát tán bụi ra môi trường bên ngoài đồng thời giúp điều hoà, cải tạo vi khí hậu trong phạm vi nhà máy.

- Xi măng được chở bằng xe bồn chuyên dụng có hệ thống bơm tự động, bơm vào silo theo đường ống trực tiếp nối vào silo chứa xi măng, trên silo có hệ thống thoát khí, trước khi khí thoát ra ngoài sẽ qua hệ thống lọc bụi túi vải. Bụi xi măng trong túi vải được hệ thống motor rung rũ bụi trở lại silo. Như vậy, tại trạm trộn bê tông thương phẩm có 02 hệ thống lọc bụi tại 02 Silo chứa xi măng. Các hệ thống lọc bụi đi kèm công nghệ của nhà sản xuất được thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn về xử lý bụi đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, có hệ thống rung rũ bụi tự động sau mỗi chu kỳ làm việc đảm bảo hệ thống lọc bụi túi vải không bị tắc và quá tải.

- Giảm thiểu khí thải, bụi trong quá trình đốt than tại lò đốt cung cấp nhiệt cho nồi hơi: Sử dụng hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng cyclone đi kèm theo lò đốt. Công nghệ xử lý: Khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Khí thải sau khi được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra môi trường bằng ống khói có chiều cao 10m, đường kính 200mm ra môi trường.

- Xây dựng tuyến đường ngập nước hình vòng cung tại khu vực trạm trộn bê tông (bề rộng 5m, chiều dài 8m) để vệ sinh bánh xe (rửa sạch bụi, bê tông, chất bẩn bám theo bánh xe) trước khi ra vào nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc để tăng hiệu suất hoạt động, hạn chế khí thải phát sinh gây ô nhiễm môi trường.

- Hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm và tuân thủ biển báo tốc độ.

- Bê tông hóa toàn bộ khu vực sản xuất, đường nội bộ trong khu vực.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy để điều hòa vi khí hậu khu vực, hạn chế bụi, tạo bóng mát cho công nhân và làm đẹp cảnh quan cho nhà máy.

*KS*

- Thường xuyên vệ sinh đường giao thông và phun nước rửa đường.
- Thường xuyên làm vệ sinh sân bãi, máy móc, kho chứa nguyên vật liệu để hạn chế bụi phát tán vào những ngày gió lớn.
- Giảm thiểu khói hàn, bụi kim loại tại nhà xưởng: Thường xuyên thu dọn vệ sinh sạch sẽ mặt kim loại ở xưởng sau mỗi ca làm việc; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chuyên dụng cho thợ hàn; tại nhà xưởng tiến hành bố trí từ 4-6 quạt thông gió có màng lọc công nghiệp công suất từ 0,3-0,6kW, lưu lượng từ 3.000 - 12.000m<sup>3</sup>/h, bố trí ở hai bên tường để thông gió cho khu vực nhà xưởng, nhằm đảm bảo môi trường cho công nhân làm việc trong các phân xưởng.

#### *c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường*

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### *a. Trong giai đoạn thi công xây dựng*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng đựng rác thải sinh hoạt loại 120 lít có nắp đậy kín tại khu vực lán trại để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn của quá trình phát quang cây cối, thảm thực vật: Thân cây được thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua. Lượng sinh khối không tận dụng được thì phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng: Các loại chất thải tái sử dụng được như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom, tái sử dụng và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đá, vữa thải loại, gạch vỡ, đất cát dư thừa... được thu gom và tận dụng cho việc san lấp và hoạt động xây dựng tại

khu vực dự án. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải xây dựng được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án. Tập kết vật liệu gọn gàng, che chắn xung quanh. Sau mỗi ca làm việc cần phải thu dọn mặt bằng công trường, thu gom và tận dụng các loại vật liệu rơi vãi.

*b. Trong giai đoạn vận hành*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy kín tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như: nhà điều hành, khu vực nhà xưởng, nhà ăn, nhà nghỉ trưa, nhà bảo vệ... của dự án để thu gom, phân loại chất thải. Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng như giấy vụn phòng, vỏ chai lọ, bìa carton, nhựa... thì thu gom và bán cho các cơ sở thu mua tái chế; đối với chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ như thực phẩm thức ăn thừa thì thu gom và cho các hộ dân phục vụ chăn nuôi; đối với các chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế, tái sử dụng thì thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn sản xuất: Đối với lượng vật liệu rơi vãi, xỉ than, bê tông dư thừa, bùn cặn nạo vét từ bể lắng 3 ngăn xử lý nước thải sản xuất, bê tông, cấu kiện chất lượng thấp được thu gom, tận dụng để làm vật liệu, phụ gia đúc bờ lô, cọc bê tông. Trường hợp không tái sử dụng hết thì sẽ bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng. Chất thải rắn sản xuất không tận dụng, không tái sử dụng được thì phải thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

*c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường*

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sản xuất và chất thải rắn thông thường khác theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình xây dựng và hoạt động nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

**3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

*a. Trong giai đoạn xây dựng*

- Không sửa chữa, thay dầu mỡ các phương tiện, máy móc tại khu vực dự án mà thực hiện tại các gara, nhà xưởng chuyên dụng.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ trong thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bố trí trong khu vực lán trại, có mái tôn, nền đổ bê tông, xây tường bao xung quanh, thiết kế theo đúng quy cách, phía ngoài có gắn biển cảnh báo nguy hiểm và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

### *b. Trong giai đoạn hoạt động*

Thu gom các chất thải nguy hại phát sinh vào các thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích 100 lít có nắp đậy kín, mỗi thùng chứa một loại chất thải nguy hại, có dán nhãn chất thải nguy hại, bố trí tại nhà kho và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

### *c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường*

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

## **3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn**

### *a. Trong giai đoạn xây dựng*

- Bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị thi công và vận chuyển gây ra.

- Áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến nhằm giảm khả năng gây ồn, rung do các hoạt động thi công dự án gây ra.

- Hạn chế sử dụng nhiều máy móc và thiết bị có độ ồn cao vào cùng một thời điểm thi công nhằm tránh sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Thiết bị máy móc xây dựng phải thường xuyên được kiểm tra kỹ thuật và hoạt động trong tình trạng tốt nhất để đạt các tiêu chuẩn về tiếng ồn và độ rung.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động thích hợp.

### *b. Trong giai đoạn vận hành dự án*

- Thiết kế các bộ phận giảm âm, giảm chấn. Có thể cách ly các khu vực gây ồn lớn bằng tường cách âm;

- Đầu tư các máy móc thiết bị mới, hiện đại và chân đế được lắp đặt chắc chắn; đúc móng máy đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng để tránh rung theo mặt nền.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân như nút bịt tai, mũ bảo hộ có chức năng chống ồn...

- Trang bị đệm chống ồn, chống rung tại các đế máy để hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh quanh các nhà xưởng tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

*c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường*

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

**4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

- Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải.
- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án**

**5.1. Trong giai đoạn xây dựng**

*a. Giám sát chất lượng môi trường không khí*

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, độ rung, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát:
  - + K<sub>1</sub>: Tại khu vực thi công dự án;
  - + K<sub>2</sub>: Tại tuyến đường ra vào khu vực dự án;
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng, bao gồm: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*b. Giám sát chất lượng nước mặt*

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, DO, tổng dầu mỡ, Amoni, Sắt, Coliform.
- Vị trí lấy mẫu phân tích: NM: Nước mặt khe nước gần dự án.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

*d. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố*

- Chi tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

## **5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm**

*a. Giám sát chất lượng khí thải*

- Chi tiêu giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S.

- Vị trí giám sát:

+ KT1: Tại đầu vào Cyclon.

+ KT2: Tại đầu ra ống khói lò đốt.

- Tần suất: theo quy định về giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*b. Giám sát chất lượng nước thải*

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, COD, Fe, Coliform, tổng dầu mỡ.

- Vị trí lấy mẫu phân tích:

+ NT1: Nước thải đầu vào của thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.

+ NT2: Nước thải đầu ra của thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.

+ NT3: Nước thải tại bể chứa của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tần suất: theo quy định về giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

### **5.3. Trong giai đoạn hoạt động**

#### **a. Giám sát chất lượng không khí xung quanh**

- Chi tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, độ rung, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát:
  - + K1: Tại khu vực trạm trộn bê tông;
  - + K2: Tại khu vực nhà xưởng;
  - + K3: Tại khu vực nhà điều hành;
  - + K4: Tại cổng ra vào dự án;
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

#### **b. Giám sát chất lượng khí thải**

- Chi tiêu giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S.
- Vị trí giám sát:
  - + KT1: Tại đầu vào Cyclon.
  - + KT2: Tại đầu ra ống khói lò đốt.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### **c. Giám sát chất lượng nước thải**

- Chi tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, COD, Fe, Coliform, tổng dầu mỡ.
- Vị trí lấy mẫu phân tích:

- + NT1: Nước thải đầu vào của thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.
- + NT2: Nước thải đầu ra của thiết bị xử lý nước thải hợp khối Johkasou.
- + NT3: Nước thải tại bể chứa của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

*d. Giám sát chất lượng nước mặt*

- Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Nitrat (tính theo N), Amoni (tính theo N), Photphat (tính theo P), Coliform.
- Vị trí lấy mẫu phân tích: Nước mặt khe nước gần khu vực dự án.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*e. Giám sát chất lượng nước ngầm*

- Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ cứng tổng số, Clorua, Amoni, Sulfat, Nitrat, Nitrit, Kẽm, Sắt, Coliform.
- Vị trí lấy mẫu phân tích: Mẫu nước dưới đất trong khuôn viên dự án.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

*f. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

*g. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố*

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.



- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của Dự án.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lệ Thủy, Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.5. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

